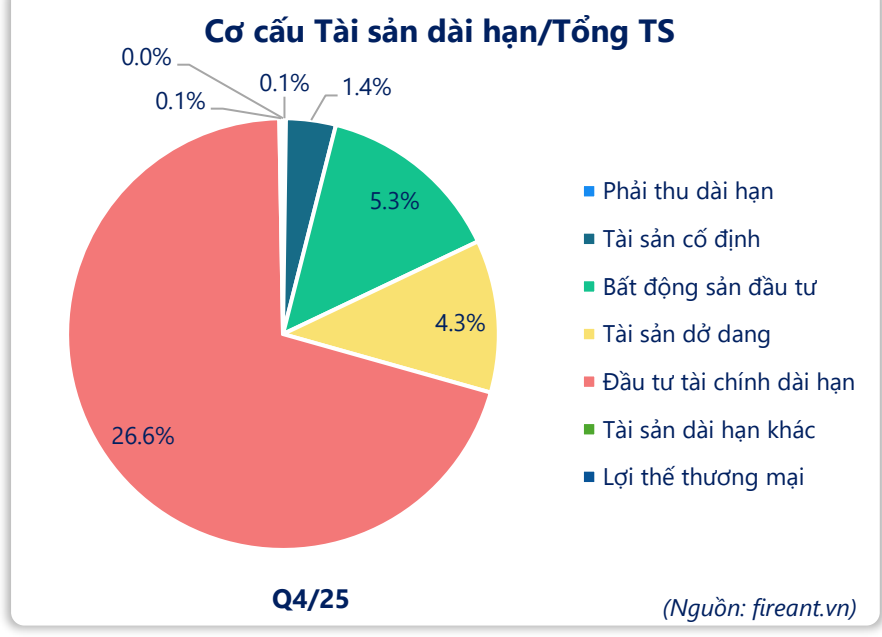
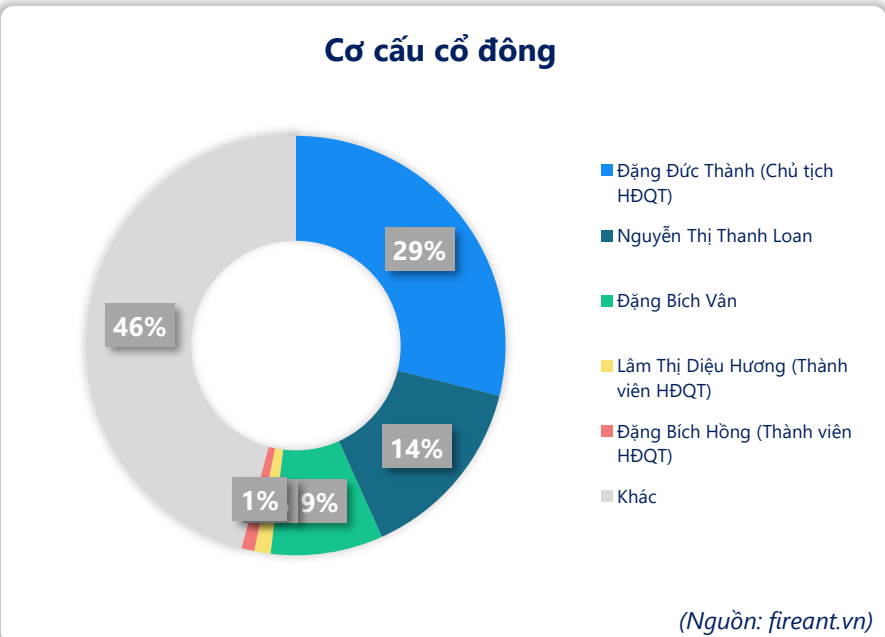
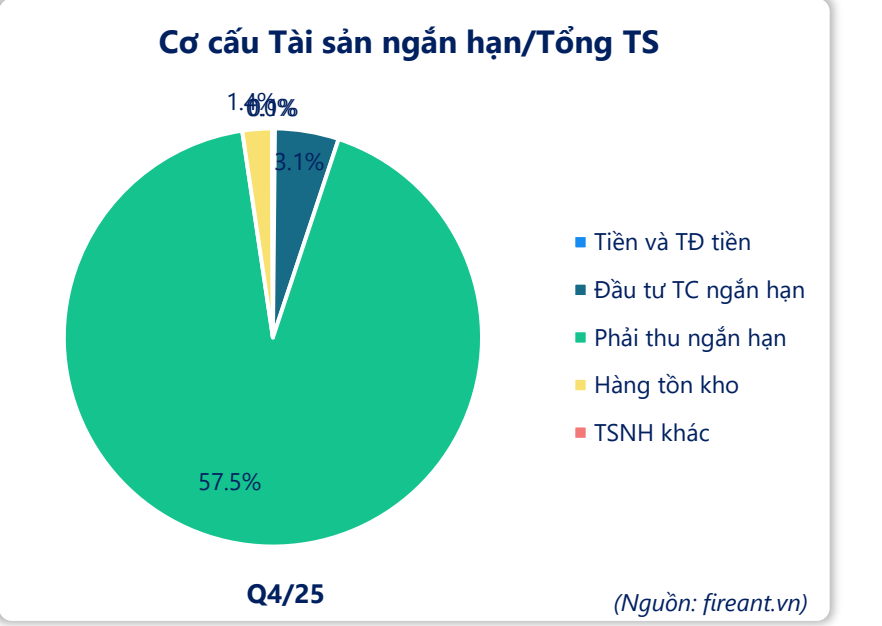
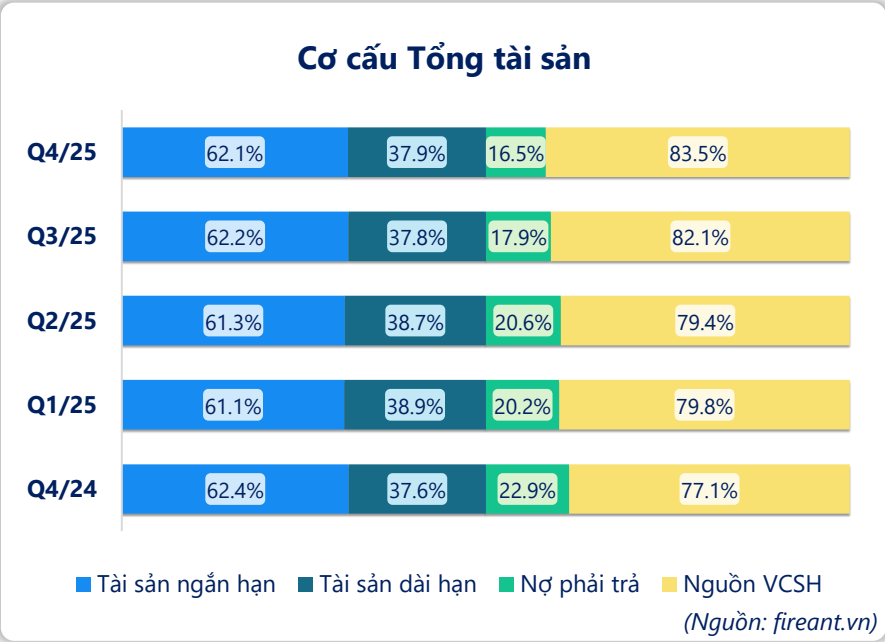
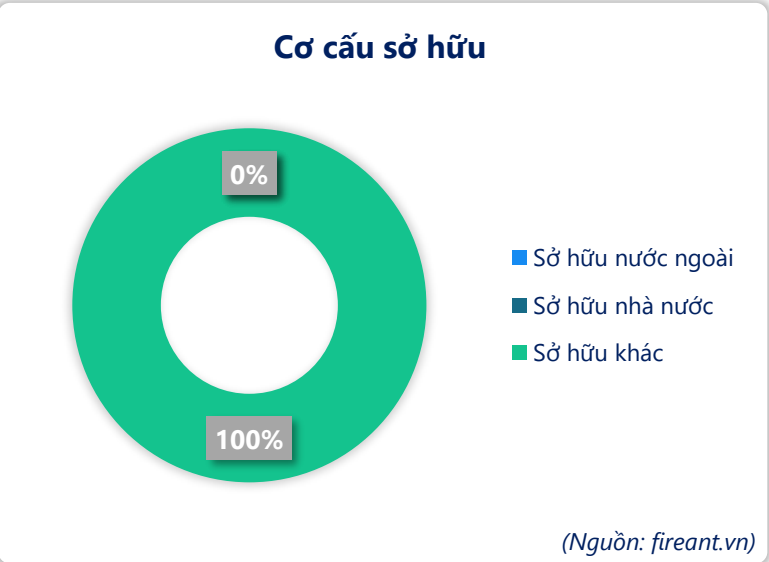
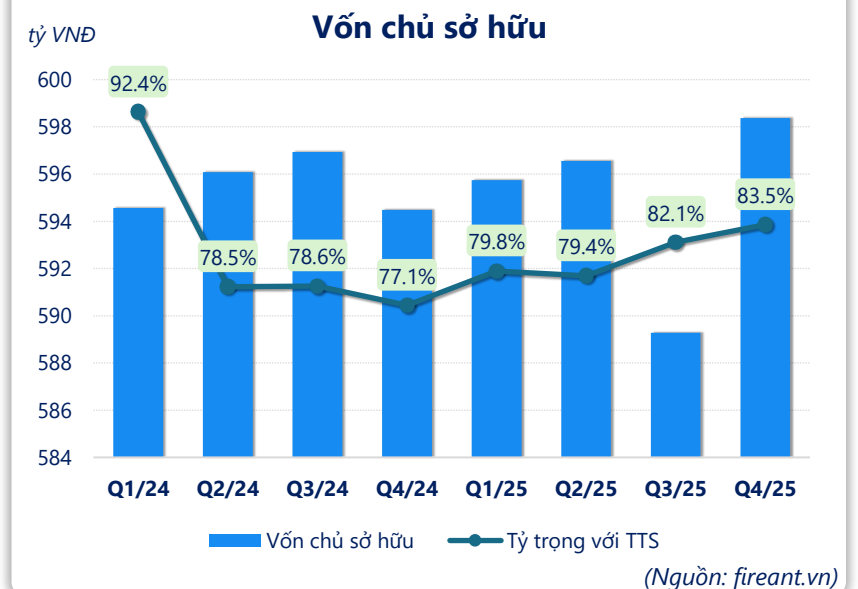
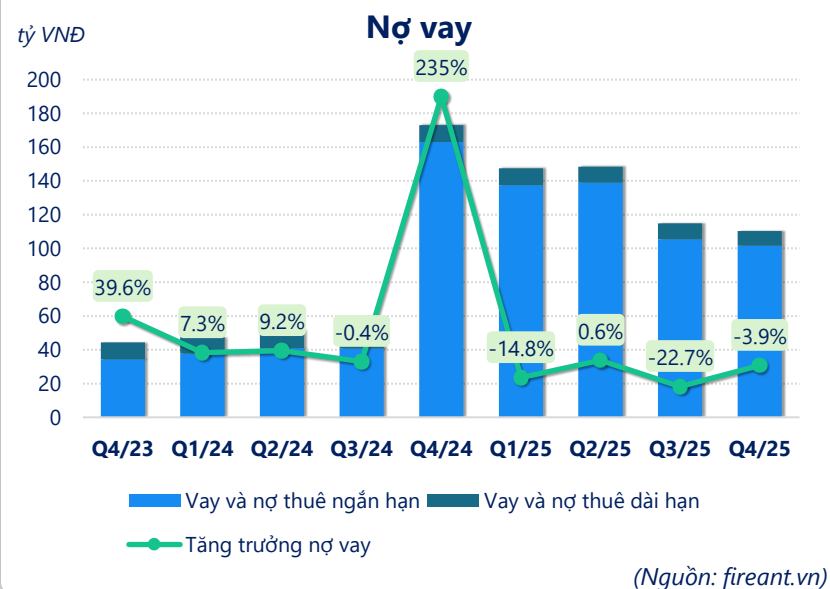
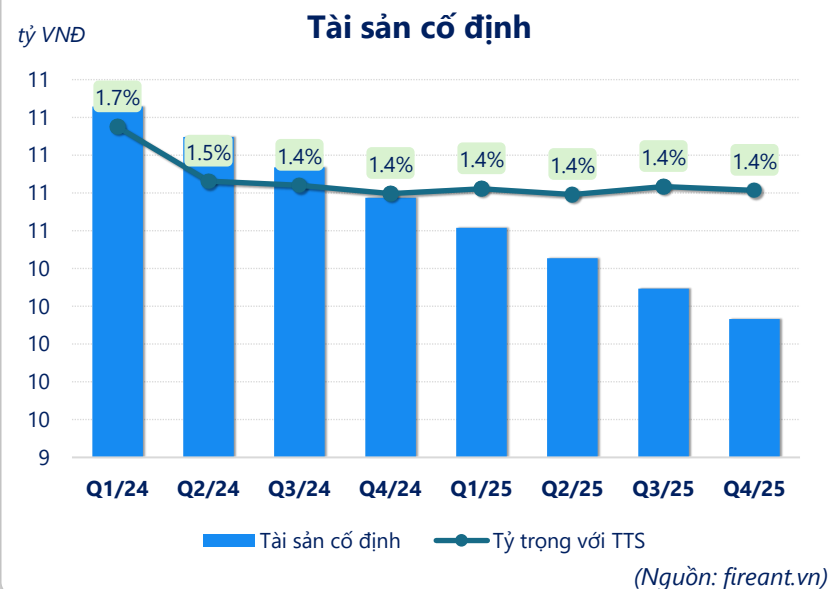
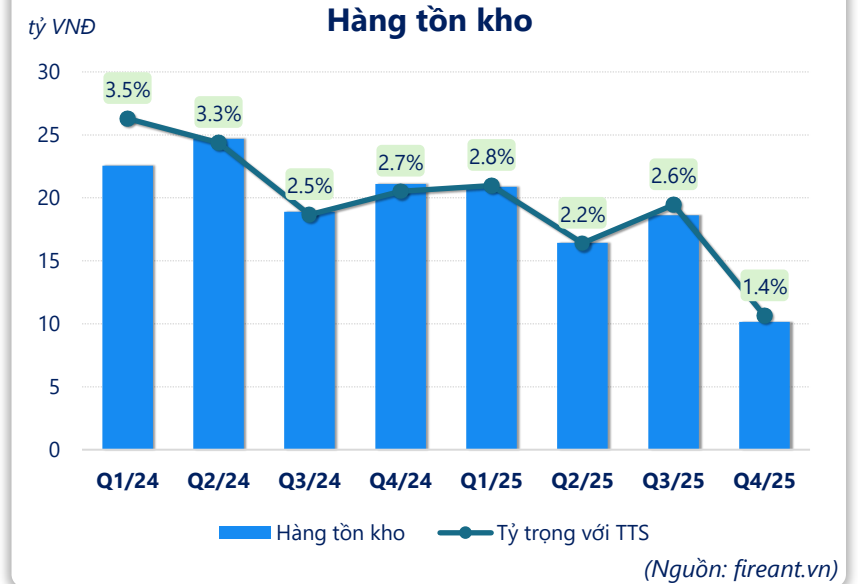
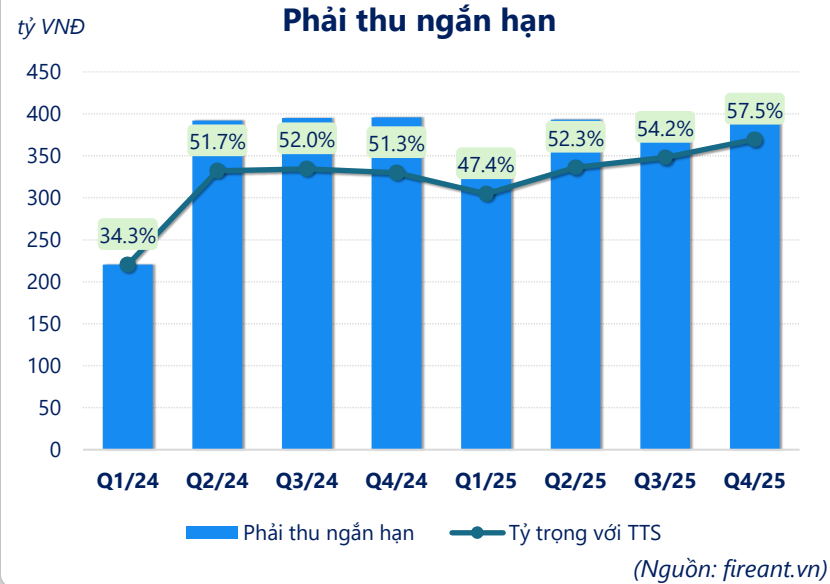
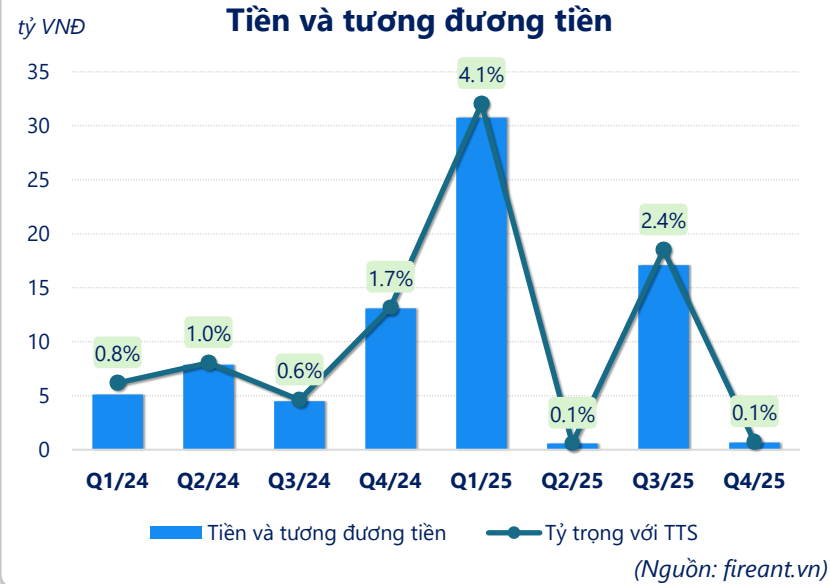
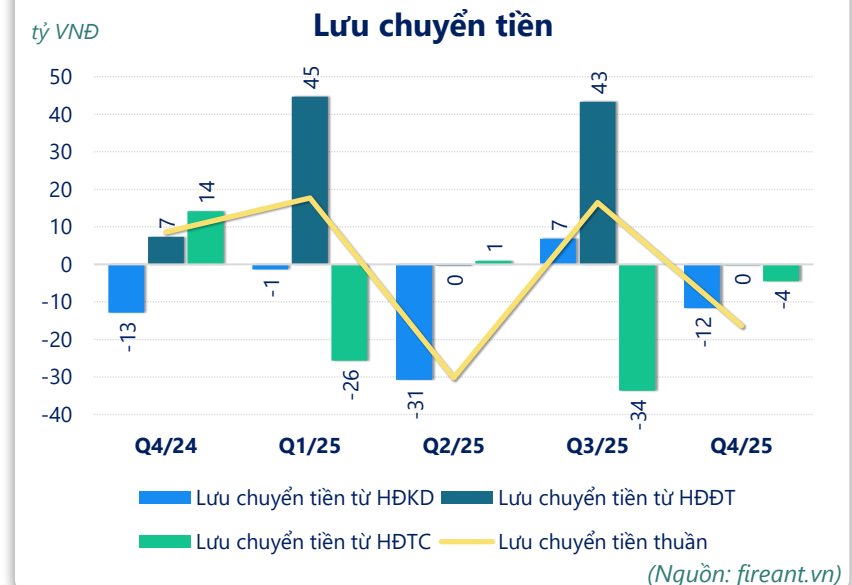
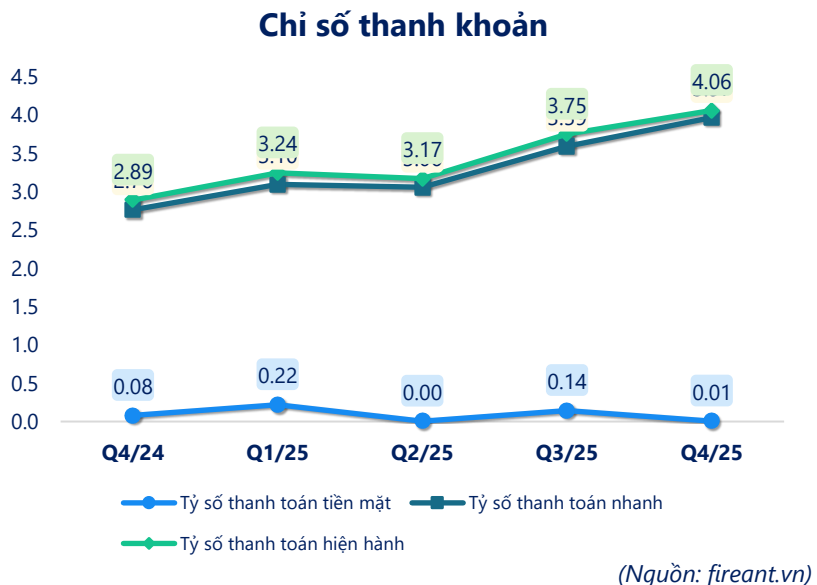
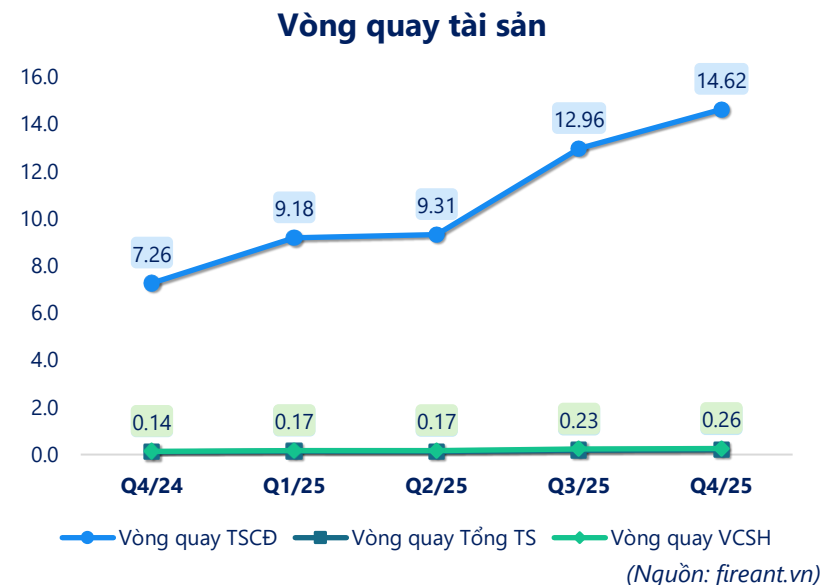
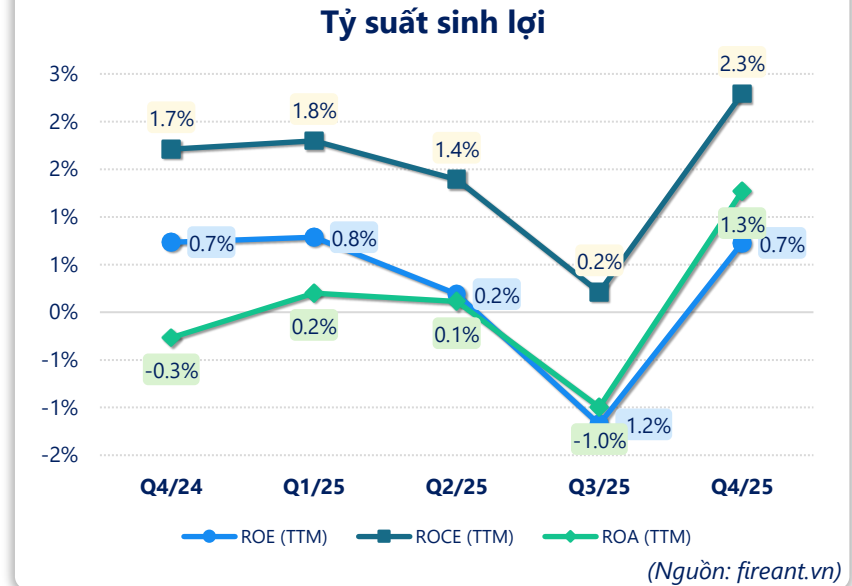
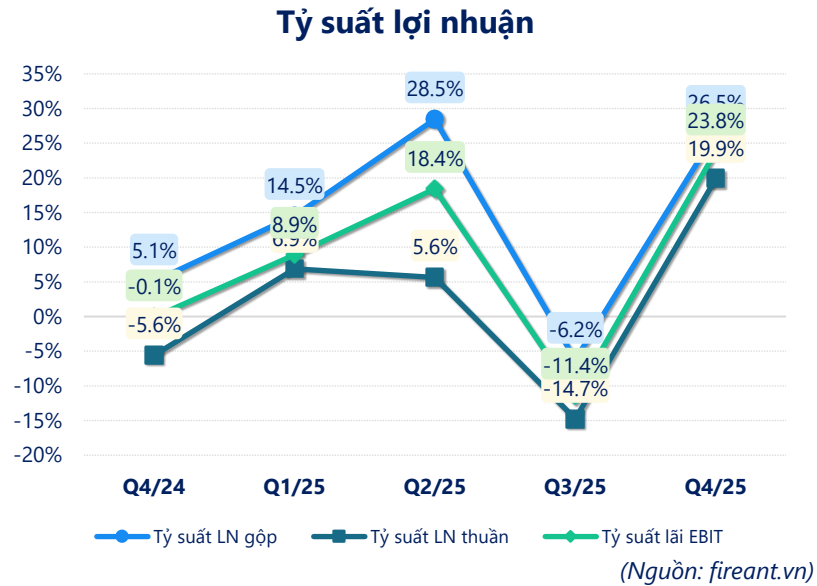
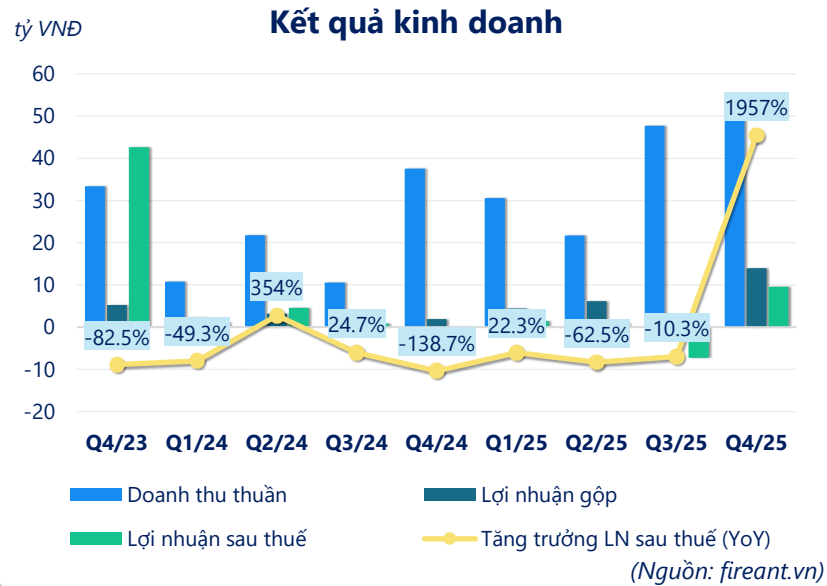


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,200
SL cổ phiếu LH		54,072,143
KLGD BQ 20 phiên (CP)		34,595
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		124
P/E		28.7
EPS		80

	YTD	1T	3T	6T
GPC	-25.8%	-4.2%	-11.5%	-17.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	717	771	-7.1%
Tài sản ngắn hạn	445	481	-7.4%
Tiền và tương đương tiền	0.67	13.1	-94.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.0	50.0	-56.0%
Phải thu ngắn hạn	412	396	4.2%
Hàng tồn kho	10.2	21.1	-51.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.32	0.91	-65.1%
Tài sản dài hạn	271	290	-6.5%
Phải thu dài hạn	0.59	0.56	6.4%
Tài sản cố định	10.1	10.8	-6.0%
Bất động sản đầu tư	38.0	58.6	-35.2%
Tài sản dở dang	31.0	29.9	3.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	191	190	0.4%
Tài sản dài hạn khác	0.74	0.43	72.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	118	177	-33.0%
Nợ ngắn hạn	110	167	-34.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	102	163	-37.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.16	0.38	-57.1%
Nợ dài hạn	8.72	10.1	-14.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.72	10.0	-13.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	598	594	0.7%
Vốn chủ sở hữu	598	594	0.7%
Vốn điều lệ	541	541	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	37.5	30.6	21.7	47.7	52.8
Giá vốn hàng bán	35.6	26.1	15.6	50.7	38.8
Lợi nhuận gộp	1.90	4.44	6.18	-2.97	14.0
Doanh thu HĐTC	1.75	1.72	1.74	0.70	2.30
Chi phí TC	1.90	0.80	2.74	1.65	2.30
Chi phí lãi vay	1.90	0.80	2.73	1.65	2.30
LN trong công ty LKLD	0.22	0	0.37	0.21	0.25
Chi phí bán hàng	1.63	0.70	0.93	0.70	1.22
Chi phí QLDN	2.44	2.57	3.40	2.61	2.52
LN thuần từ HĐKD	-2.10	2.10	1.23	-7.04	10.5
Lợi nhuận khác	0.16	-0.17	0.04	-0.04	-0.22
LN trước thuế	-1.93	1.93	1.27	-7.08	10.3
Lợi nhuận sau thuế	-1.75	1.49	0.94	-7.28	9.59
LNST của CĐ cty mẹ	-1.87	1.40	0.86	-7.36	9.44

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.9	-1.33	-30.8	6.80	-11.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.36	44.7	-0.35	43.4	-0.24
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	14.1	-25.7	0.96	-33.7	-4.49
Tiền đầu kỳ	4.49	13.1	30.8	0.57	17.1
Lưu chuyển tiền thuần	8.59	17.7	-30.2	16.5	-16.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	13.1	30.8	0.57	17.1	0.67

(Nguồn: fireant.vn)